



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2023

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 344/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/12/2022 và Công văn số 3465/UBCK-QLCB ngày 09/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của LPB)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt
- Địa chỉ trụ sở chính: LPB Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84 24) 62 668 668 Fax: (84 24) 62 669 669
Website: www.lpbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 17.291.053.690.000 VND
- Mã cổ phiếu: LPB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số tài khoản: 120111 (Mã Citad: 01357001)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 11/07/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp ngày 28/03/2008.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Phương án phát hành Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ra công chúng năm 2022 theo phương thức phân phối: (i) bán trực tiếp cho Nhà đầu tư tại các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; và (ii) phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã được Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phê duyệt (i) theo Nghị quyết số 449/2022/NQ-HĐQT ngày 12/08/2022, Nghị quyết số 523/2022/NQ-HĐQT ngày 30/09/2022, Nghị quyết số 677/2022/NQ-HĐQT ngày 02/12/2022 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 344/GCN-UBCK ngày 09/12/2022 ("**Phê Duyệt Lần Thứ 1**"); và (ii) theo Nghị quyết số 814/2023/NQ-HĐQT ngày 16/05/2023 và đã được UBCKNN chấp thuận theo Công văn số 3465/UBCK-QLCB ngày 09/06/2023 về việc tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của LPB ("**Phê Duyệt Lần Thứ 2**"). Theo đó, thông tin trái phiếu chào bán được phê duyệt như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ra công chúng năm 2022 ("**Trái Phiếu**")

2. Loại Trái Phiếu: không chuyên đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành

3. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 40.000.000 (bốn mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

a) Theo **Phê Duyệt Lần Thứ 1**

Đợt 1 - Quý IV/2022 - Quý I/2023

- **Trái Phiếu LPB7Y202201:** 17.000.000 (mười bảy triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202202:** 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

Đợt 2 - Quý I/2023:

- **Trái Phiếu LPB7Y202203:** 13.000.000 (mười ba triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202204:** 2.000.000 (hai triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

Đợt 3 - Quý I/2023 - Quý II/2023:

- **Trái Phiếu LPB7Y202205:** 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202206:** 500.000 (năm trăm nghìn) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng dự kiến thì phần khối lượng chưa chào bán hết sẽ chuyển sang (các) đợt phát hành sau.

b) Theo **Phê Duyệt Lần Thứ 2**

Đợt 2 - Quý II/2023 - Quý III/2023:

- **Trái Phiếu LPB7Y202203:** 29.442.050 (hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm năm mươi) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2022

- **Trái Phiếu LPB10Y202204:** 3.487.700 (ba triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm.

Trường hợp khối lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 2 chưa chào bán hết theo dự kiến thì khối lượng Trái Phiếu còn lại chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang Đợt 3.

5. Lãi suất Trái Phiếu

- a) *Đối với các Trái Phiếu LPB7Y202201, Trái Phiếu LPB7Y202203 và Trái Phiếu LPB7Y202205:* lãi suất thả nổi, dự kiến như sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,8%/năm (hai phẩy tám phần trăm một năm)

- b) *Đối với các Trái Phiếu LPB10Y202202, Trái Phiếu LPB10Y202204 và Trái Phiếu LPB10Y202206:* lãi suất thả nổi, dự kiến như sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,1%/năm (ba phẩy một phần trăm một năm)

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Các Ngân Hàng Tham Chiếu bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

6. Kế hoạch sử dụng vốn

- a) Theo **Phê Duyệt Lần Thứ 1**

- Đợt 1: Quý I/2023
- Đợt 2: Quý I/2023 - Quý II/2023
- Đợt 3: Quý II/2023

- b) Theo **Phê Duyệt Lần Thứ 2**

- Đợt 2: Quý II /2023 - Quý III/2023

Số tiền và thời gian giải ngân thực tế đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công, thực tế hoạt động và tiến độ cho vay nền kinh tế của Ngân hàng Bru điện Liên Việt.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

1. Kết quả chào bán Đợt 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: **1.570.250** Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu LPB7Y202201	17.000.000	557.950	16.442.050
2	Trái Phiếu LPB10Y202202	2.500.000	1.012.300	1.487.700
Tổng cộng		19.500.000	1.570.250	17.929.750

Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết của Đợt 1 sẽ được chuyển sang chào bán Đợt 2.

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 30/12/2022

2. Kết quả chào bán Đợt 2

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: **15.557.619** Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu LPB7Y202203	29.442.050	13.187.199	16.254.851
2	Trái Phiếu LPB10Y202204	3.487.700	2.370.420	1.117.280
Tổng cộng		32.929.750	15.557.619	17.372.131

Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết của Đợt 2 sẽ được chuyển sang chào bán Đợt 3.

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 30/06/2023

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022 NGÀY 07/12/2022 THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG SỐ 344/GCN-UBCK NGÀY 09/12/2022 VÀ BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH NGÀY 05/06/2023 (“Bản Cáo Bạch”)

A. THÔNG TIN VỀ TÀI CHÍNH:

- 1. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch**

1.1 Cổ phiếu phổ thông

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của LPBank tại ngày 30/06/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	49.451	1.657.777.851	95,87
a	Cá nhân trong nước	49.368	1.507.316.627	87,17
b	Tổ chức trong nước	83	150.461.224	8,70
2	Nước ngoài	264	71.327.518	4,13
a	Cá nhân nước ngoài	230	3.376.056	0,20
b	Tổ chức nước ngoài	34	67.951.462	3,93
	Tổng cộng	49.715	1.729.105.369	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của LPBank do VSD cung cấp tại ngày 30/06/2023

1.2 Các loại chứng khoán khác

- Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành: 5.466.736.500.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch: 13.990.000.000.000 VND
- Đặc điểm: toàn bộ 13.990.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành.

Bảng 2: Bảng chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2023

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPB10Y192901	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

					kèm theo chứng quyền
II	Năm 2020				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPB202307	900.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPB5Y202501	1.500.000.000.000	Cố định	05	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB10Y202004	234.590.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB10Y202005	265.410.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
III	Năm 2021				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPBH2124009	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPBH2124011	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
3	LPBH2124014	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
4	LPBH2124015	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

					kèm theo chứng quyền
5	LPBH2124016	990.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB121035	1.385.470.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB121036	173.100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
IV	Năm 2022				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPBH2225003	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPBH2225005	500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
3	LPBH2225006	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
4	LPBH2225007	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB122010	1.602.209.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp



BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

2	LPB122011	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
3	LPB122012	55.795.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
4	LPB122013	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
V	Năm 2023				
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB7Y202203	1.318.719.900.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB10Y202204	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
Tổng		19.456.736.500.000			

Nguồn: LPBank

2. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch**2.1 Hoạt động kinh doanh theo sản phẩm dịch vụ**

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

**Bảng 3: Hoạt động kinh doanh của LPBank giai đoạn 2021 đến hết Quý II năm 2023
theo sản phẩm dịch vụ**

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ Đồng)			Tỷ trọng doanh thu (%)			Thu nhập thuần (tỷ Đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)		
		2021	2022	Quý II/ 2023	2021	2022	Quý II/ 2023	2021	2022	Quý II/ 2023	2021	2022	Quý II/ 2023
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20.926	25.226	15.570	90,43	84,82	90,25	9.017	11.900	5.224	89,72	83,98	86,78
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.114	2.097	645	4,81	7,05	3,74	858	1.662	475	8,54	11,73	7,89
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	864	1.671	828	3,73	5,62	4,80	139	10	164	1,38	0,07	2,72
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5	0	30	0,02	0,00	0,17	5	-3	30	0,05	-0,02	0,50
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	34	360	1	0,15	1,21	0,01	-1	346	-4	-0,01	2,44	-0,07
6	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	54	31	0,00	0,18	0,18	0	54	31	0,00	0,38	0,51
7	Thu nhập từ hoạt động khác	199	334	148	0,85	1,12	0,85	34	201	100	0,34	1,42	1,67
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	23.141	29.742	17.253	100,00	100,00	100,00	10.051	14.170	6.020	100,00	100,00	100,00

Nguồn: LPBank

2.2 Hoạt động huy động vốn

Về tỷ trọng nguồn vốn huy động, tiền gửi của khách hàng có tỷ trọng lớn nhất, chiếm trên 68% tổng

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

nguồn vốn huy động của LPBank trong giai đoạn 2021 - 2022 và trên 72% tại thời điểm 30/06/2023.

Bảng 4: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/06/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	1.703	0,64	3.077	1,05	80,68	113	0,04
Tiền gửi và vay các TCTD khác	46.281	17,46	39.660	13,50	-14,31	44.060	14,16
Tiền gửi của khách hàng	180.276	68,03	215.888	73,50	19,75	224.126	72,00
Phát hành Giấy tờ có giá	36.738	13,86	35.048	11,93	-4,60	42.960	13,80
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	0	0,00	0	0,00	0,00	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0,00	42	0,01	100,00	0	0
Tổng cộng	264.998	100,00	293.715	100,00	10,84	311.260	100,00

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn đóng góp trên 89% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng trong năm 2021, trên 91% trong năm 2022 và đến hết Quý II năm 2023 là trên 92%, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/06/2023, tiền gửi có kỳ hạn của LPBank đạt hơn 207.868 tỷ VND, tăng gần 10.902 tỷ VND so với thời điểm 31/12/2022, tương đương mức tăng trưởng khoảng 5,53%.



Bảng 5: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	180.276	215.888	224.126
1	Phân theo khách hàng (%)			
-	Cá nhân	63,84	64,55	75,12
-	Tổ chức	36,16	35,45	24,88
2	Phân theo kỳ hạn (%)			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	9,90	8,69	7,20
-	Tiền gửi có kỳ hạn	89,95	91,24	92,75
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,01	0,01	0,00
-	Tiền gửi ký quỹ	0,14	0,06	0,05
3	Phân theo loại tiền (%)			
-	VND	97,78	98,39	99,74
-	Ngoại tệ	2,22	1,61	0,26

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng của LPBank. Tại thời điểm 30/06/2023, tổng tiền gửi nội tệ đạt 223.545 tỷ VND, tăng 11.135 tỷ VND so với thời điểm 31/12/2022, tương đương mức tăng trưởng khoảng 5,24%.

Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/06/2023
VND	176.266	212.410	20,50	223.545
Ngoại tệ	4.010	3.478	-13,27	581
Tổng	180.276	215.888	19,75	224.126

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Về huy động từ phát hành Giấy tờ có giá:

Trong năm 2022, Ngân hàng đã phát hành thành công 1.852,4 tỷ VND trái phiếu ra công chúng có kỳ hạn 07 năm và 10 năm, tiếp tục khẳng định uy tín của Ngân hàng trong việc phát hành trái phiếu trên thị trường. Đối với trái phiếu riêng lẻ, Ngân hàng đã phát hành thành công 6.000 tỷ VND trái phiếu kỳ hạn 02 - 03 năm, tiếp tục góp phần tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng. Tính đến hết Quý II năm 2023, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá đạt mức 42.960 tỷ VND, tăng 22,58% so với cuối năm 2022.

2.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Trong năm 2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng của LPBank đạt 235.507 tỷ VND, tương đương mức tăng trưởng tín dụng 12,71%. Tại thời điểm 30/06/2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng tăng 7,59% so với cuối năm 2022, lên mức 253.392 tỷ VND.

Bảng 7: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/06/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	70.667	33,82	88.471	37,57	25,19	88.377	34,88
2	Nợ trung hạn	92.483	44,26	100.340	42,60	8,50	117.234	46,27
3	Nợ dài hạn	45.804	21,92	46.696	19,83	1,95	47.781	18,85
	Tổng	208.954	100,00	235.507	100,00	12,71	253.392	100,00

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Về cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế, tại ngày 30/06/2023, ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay khách hàng bao gồm: (i) Xây dựng (~23,78%); (ii) Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (~20,06%); và (iii) Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (~19,25%).

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Bảng 8: Dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/06/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	13.470	6,45	18.225	7,74	19.841	7,83
2	Khai khoáng	801	0,38	201	0,09	224	0,09
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.863	8,07	16.894	7,17	14.917	5,89
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	4.535	2,17	3.708	1,57	5.277	2,08
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	3.686	1,76	179	0,08	126	0,05
6	Xây dựng	22.123	10,59	44.511	18,90	60.262	23,78
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	49.897	23,88	56.359	23,93	48.771	19,25
8	Vận tải kho bãi	5.424	2,60	1.672	0,71	1.726	0,68
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	11.561	5,53	15.287	6,49	13.322	5,26
10	Thông tin và truyền thông	1.017	0,49	71	0,03	156	0,06
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.084	0,52	291	0,12	285	0,11
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.018	0,49	3.911	1,66	19.923	7,86

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/06/2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	5.781	2,77	782	0,33	218	0,09
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	6.743	3,23	1.585	0,67	1.310	0,52
15	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	1.562	0,75	13	0,01	0	0,00
16	Giáo dục và đào tạo	3.301	1,58	1.696	0,72	222	0,09
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	411	0,20	376	0,16	314	0,12
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	7.922	3,79	14.998	6,37	15.006	5,92
19	Hoạt động dịch vụ khác	501	0,24	741	0,31	672	0,27
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	51.257	24,51	54.006	22,94	50.820	20,06
Tổng		208.954	100,00	235.507	100,00	253.392	100,00

Nguồn: LPBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của LPBank. Số dư bảo lãnh của LPBank đạt 1.115 tỷ VND tại thời điểm 31/12/2022 và đạt 1.059 tỷ VND tại thời điểm 30/06/2023.

c) Chất lượng nợ cho vay

LPBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của LPBank. Tại thời điểm 30/06/2023, tỷ lệ nợ xấu của LPBank vẫn được duy trì ở mức an toàn là 2,23%.

Bảng 9: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% tăng/giảm	30/06/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	204.090	97,67	228.514	97,04	11,97	244.523	96,50
Nợ cần chú ý	2.001	0,96	3.566	1,51	78,21	3.213	1,27
Nợ dưới tiêu chuẩn	460	0,22	1.070	0,45	132,61	1.598	0,63
Nợ nghi ngờ	1.070	0,51	1.005	0,43	-6,07	1.620	0,64
Nợ có khả năng mất vốn	1.333	0,64	1.352	0,57	1,43	2.438	0,96
Tổng cộng	208.954	100,00	235.507	100,00	12,71	253.392	100,00

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Bảng 10: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2021	1.616	1.555	3.171
31/12/2022	3.119	1.751	4.870
30/06/2023	2.608	1.830	4.438

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của LPBank tại thời điểm 30/06/2023 là 11,16%, đáp ứng các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Bảng 11: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Vốn tự có	22.157	29.604	32.412
Vốn cấp 1	16.802	24.055	25.497
Vốn cấp 2	5.803	5.564	6.931
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	447	16	16
Tổng tài sản "Có" rủi ro	196.761	239.566	290.518
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	11,26%	12,36%	11,16%

Nguồn: LPBank, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

2.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Kết thúc 31/12/2022, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối của LPBank đạt 1.671 tỷ VND (tăng 93,4% so với cùng kỳ năm 2021). Tại thời điểm 30/06/2023, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt lần lượt 828 tỷ VND và 164 tỷ VND.

Bảng 12. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Đơn vị: tỷ Đồng

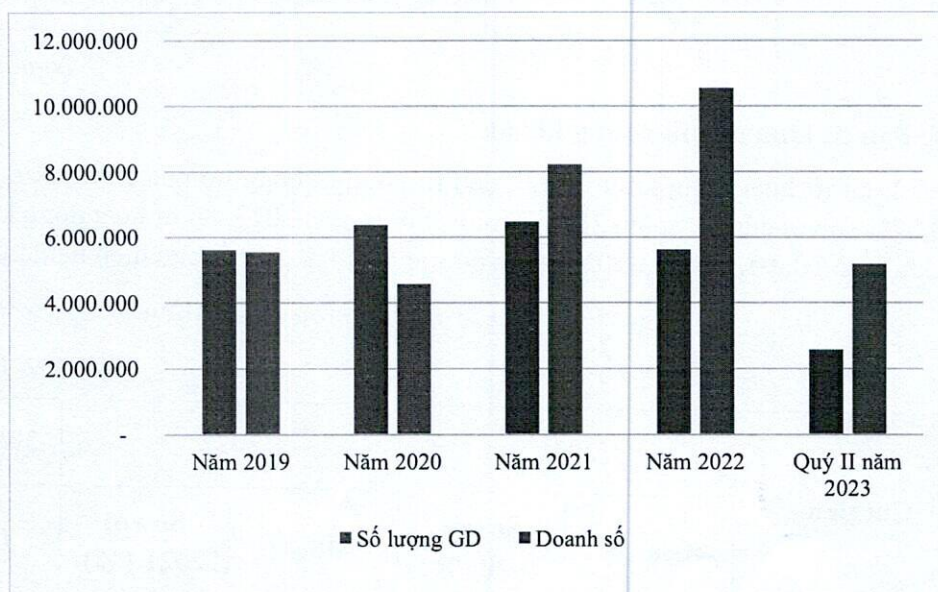
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/06/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	864	1.671	93,40	828
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	725	1.661	129,10	664
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	139	10	-92,81	164

Nguồn: LPBank

b) Hoạt động thanh toán



Biểu đồ 1: Số lượng, doanh số giao dịch chuyển tiền trong nước giai đoạn 2019 - Quý II/2023



Bảng 13: Kết quả hoạt động thanh toán

Chỉ tiêu	2021		2022		Quý II/2023
	Giá trị	So với 2020	Giá trị	So với 2021	Giá trị
Thanh toán trong nước					
Doanh số thanh toán đi và đến (tỷ Đồng)	8.226.027	80%	10.562.633	28,41%	5.182.029
Số lượng giao dịch (giao dịch)	6.472.631	1%	5.626.793	-13,07%	2.573.802
Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại					
Tổng doanh số TTQT (triệu USD)	919,27	-2%	1.274	38,59%	303,9
Số lượng giao dịch TTQT	12.393	3%	18.065	45,77%	5.809
Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu (triệu USD)	884,7	-3%	902	1,96%	213,5

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Số lượng giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu	10.554	4%	10.402	-1,44%	3.703
--	--------	----	--------	--------	-------

Nguồn: LPBank

2.5 Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Trong năm 2022, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ của LPBank đạt 1.869 tỷ VND, tăng 10,27% so với cùng kỳ năm 2021. Trong Quý II năm 2023, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ đạt 1.124 tỷ VND, tương đương 60,14% giá trị thực hiện năm 2022.

Bảng 14: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Chi tiêu	2021		2022		30/06/2023
		Giá trị	So với 2020 (%)	Giá trị	So với 2021 (%)	Giá trị
I	Chứng khoán đầu tư	38.689	16,0	42.007	8,58	44.457
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	38.689	16	42.007	8,58	44.457
A	Chứng khoán nợ	38.276	16,2	42.007	9,75	44.457
B	Chứng khoán vốn	431	0,00	0	0,00	0,00
C	Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	-17	21,43	0	0,00	0,00
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0,00	0,00
A	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	0	0	0	0,00	0,00
B	Dự phòng trái phiếu đặc biệt	0	0	0	0,00	0,00

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	2021		2022		30/06/2023
		Giá trị	So với 2020 (%)	Giá trị	So với 2021 (%)	Giá trị
II	Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	1.695	-16,8	1.869	10,27	1.124

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

3. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

Bảng 15: Chi tiết tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/06/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa	632	233	399	784	285	499	758	306	452
Máy móc thiết bị	700	529	171	791	589	202	838	617	221
Phương tiện vận tải truyền dẫn	885	459	426	900	498	402	963	522	441
Tài sản cố định khác	314	217	97	355	255	100	376	276	100
Tổng cộng	2.531	1.438	1.093	2.830	1.627	1.203	2.935	1.721	1.214

Nguồn: LPBank

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Bảng 16: Chi tiết tài sản cố định vô hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2021			31/12/2022			30/06/2023		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất có thời hạn	410	17	393	410	20	390	500	21	479
Phần mềm máy vi tính	263	164	99	269	169	100	280	184	96
Tổng cộng	673	181	492	679	189	490	780	205	575

Nguồn: LPBank

4. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

Tại ngày 30/06/2023, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 80 Chi nhánh, 481 Phòng Giao dịch, 513 Phòng Giao dịch Bưu điện trên cả nước. Số lượng nhân viên là 10.818 người (31/12/2022: 12.203 nhân viên).

5. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

5.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 30/06/2023, số dư trái phiếu LPBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 19.457 tỷ VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 5.467 tỷ VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 13.990 tỷ VND

Bảng 17: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tỷ VND	Giá trị tỷ VND	Giá trị tỷ VND
		31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 5 năm trở lên	4.559	4.161	5.467
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	17.390	12.790	9.390
	Từ 5 năm trở lên	4.600	4.600	4.600
Tổng		26.549	21.551	19.457

Nguồn: LPBank

5.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 18: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2023

STT	Nội dung	Số tiền (tỷ VND)
1	Tổng giá trị hợp đồng	27,2
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	6,8
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	8,8
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	11,6

Nguồn: LPBank

5.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 19: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 30/06/2023

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	57
2	Cam kết giao dịch hối đoái	148.520
	Cam kết mua ngoại tệ	1.085
	Cam kết bán ngoại tệ	2.739
	Cam kết giao dịch hoán đổi	144.696
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.595
4	Bảo lãnh khác	928
5	Các cam kết khác	7

Nguồn: BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

6. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn năm 2021 đến hết Quý II năm 2023

Bảng 20: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	Quý II/2023
Tổng giá trị tài sản	289.194	327.746	13,33	350.243
Vốn chủ sở hữu	16.802	24.055	43,17	25.497
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20.926	25.226	20,55	15.570
Thu nhập lãi thuần	9.017	11.900	31,97	5.224
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	858	1.662	93,71	475
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	139	10	-92,81	164
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	5	-3	-160,00	30
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-1	346	34.700,00	-4
Lãi thuần từ hoạt động khác	34	201	491,18	100
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	54	100,00	31
Chi phí hoạt động	5.090	5.307	4,26	2.824
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	4.960	8.863	78,69	3.196
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.322	3.174	140,09	750
Lợi nhuận trước thuế	3.638	5.690	56,40	2.446

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	Quý II/2023
Lợi nhuận sau thuế	2.873	4.510	56,98	1.952
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	18,52	22,08	19,22	7,88
Tỷ lệ trả cổ tức	15%	19%	26,67	

Nguồn: LPBank

Kết thúc năm 2022, với kết quả đặc biệt ấn tượng LPBank đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau: Tổng Tài sản của Ngân hàng đạt 327.746 tỷ VND tăng 13,33% so với 31/12/2021, đạt 97,54% kế hoạch năm 2022. Quy mô vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022 đạt 24.055 tỷ VND tương ứng với mức tăng 43,17% so với năm 2021. Thu nhập lãi thuần của Ngân hàng đạt gần 11.900 tỷ VND tăng 31,97% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế đạt gần 5.690 tỷ VND tương đương 118,54% kế hoạch năm 2022, tăng trưởng 56,40% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 4.510 tỷ VND, tiếp tục ghi nhận mức cao nhất lịch sử kể từ khi thành lập Ngân hàng đến nay, tăng trưởng 56,98% so với năm 2021, chủ yếu do Ngân hàng tăng quy mô cho vay bán lẻ, thu hồi lãi của các khoản vay cơ cấu Covid-19 khi các Khách hàng đã khôi phục được hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Ngân hàng linh hoạt trong việc cân đối nguồn vốn để phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, do vậy tối ưu hóa được hiệu quả sử dụng nguồn.

Kết thúc Quý II năm 2023, tổng tài sản của Ngân hàng đạt 350.243 tỷ VND, tăng 6,86% so với 31/12/2022. Ngân hàng đạt 5.224 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 1.952 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 39,58% và 40,67% so với kế hoạch năm đã được Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2023 thông qua.

Bảng 21: Cơ cấu lãi thuần

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Quý II/2023
Thu nhập lãi thuần	89,72%	83,98%	86,78%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	8,54%	11,73%	7,90%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1,38%	0,07%	2,72%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0,05%	-0,02%	0,50%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	0,00%	2,44%	-0,07%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	0,34%	1,42%	1,65%

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Quý II/ 2023
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,00%	0,38%	0,52%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Cơ cấu lãi thuần của LPBank năm 2022 và Quý II/2023 tập trung chủ yếu từ thu nhập lãi thuần và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, chiếm lần lượt 86,78% và 7,90% trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng tại thời điểm Quý II/2023. Quý II/2023 ghi nhận sự tăng trưởng trong lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối so với kết thúc năm 2022, chiếm 2,72% trong cơ cấu lãi thuần.

Bảng 22: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	Quý II/ 2023
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	11.908	13.326	11,91	10.346
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	<i>56,91%</i>	<i>52,83%</i>		<i>66,45%</i>
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	256	435	69,92	170
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động dịch vụ</i>	<i>22,98%</i>	<i>20,74%</i>		<i>26,36%</i>
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	5.090	5.307	4,26	2.824
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động</i>	<i>50,64%</i>	<i>37,45%</i>		<i>46,91%</i>
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.322	3.174	140,09	750
	<i>Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>26,65%</i>	<i>35,81%</i>		<i>23,47%</i>

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Ảnh hưởng của bối cảnh chung trong giai đoạn dịch Covid-19, tình hình bất ổn kinh tế thế giới, chiến tranh Nga - Ukraina... cũng tác động không nhỏ đến nền kinh tế của nước ta, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong nước. LPBank cũng không tránh khỏi xu thế này, do đó chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng đã tăng lên trong năm

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

2022. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2022 là 3.174 tỷ VND, tăng 1.852 tỷ VND tương ứng 140,09% so với năm 2021. Tỷ trọng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2022 là 35,81%, trong khi năm 2021 tỷ trọng này là 22,65%.

Bảng 23: Cơ cấu chi phí hoạt động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		% tăng/giảm	Quý II/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	108	2,12	119	2,24	10,19	77	2,73
Chi phí nhân viên	2.737	53,77	3.039	57,26	11,03	1.577	55,84
Chi về tài sản	855	16,80	884	16,66	3,39	499	17,67
Chi cho hoạt động quản lý công vụ và phân bổ lợi thế thương mại	1.213	23,83	1.074	20,24	-11,46	559	19,79
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	170	3,34	182	3,43	7,06	108	3,82
Chi phí hoạt động khác	6	0,12	9	0,17	50,00	4	0,15
Tổng chi phí hoạt động	5.090	100,00	5.307	100,00	4,26	2.824	100,00

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

Kết thúc Quý II năm 2023, tổng chi phí hoạt động của LPBank đạt 2.824 tỷ VND, tăng 13,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi phí cho nhân viên vẫn là khoản mục có tỷ trọng lớn nhất, chiếm 55,84%. Chi cho hoạt động quản lý công vụ và chi về tài sản lần lượt xếp ở vị trí thứ hai và thứ ba, với tỷ trọng là 19,79% và 17,67%.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán BCTC: Không có.

6.2 Các chỉ tiêu cơ bản

- Tình hình công nợ



Bảng 24: Các khoản phải thu và phải trả khác

Đơn vị: tỷ Đồng

	Các khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/06/2023
I	Nợ phải thu	7.446	6.993	-6,08	14.709
1	Các khoản phải thu	1.249	2.186	75,02	10.131
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.383	4.149	-22,92	3.996
3	Tài sản có khác	819	665	-18,80	589
4	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-5	-7	40,00	-7
II	Nợ phải trả	7.394	9.976	34,92	13.486
1	Các khoản lãi, phí phải trả	5.697	6.525	14,53	8.949
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.697	3.451	103,36	4.536

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

- Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 25: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 30/06/2023

STT	Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPB10Y192901	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
II	Năm 2020				

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPB202307	900.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPB5Y202501	1.500.000.000.000	Cố định	05	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB10Y202004	234.590.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB10Y202005	265.410.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
III	Năm 2021				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPBH2124009	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPBH2124011	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
3	LPBH2124014	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
4	LPBH2124015	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
5	LPBH2124016	990.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

					kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB121035	1.385.470.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB121036	173.100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
IV	Năm 2022				
Trái phiếu riêng lẻ					
1	LPBH2225003	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
2	LPBH2225005	500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
3	LPBH2225006	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
4	LPBH2225007	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm theo chứng quyền
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB122010	1.602.209.500.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB122011	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

					Thứ Cấp
3	LPB122012	55.795.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
4	LPB122013	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
V	Năm 2023				
Trái phiếu ra công chứng					
1	LPB7Y202203	1.318.719.900.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
2	LPB10Y202204	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm theo chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp
Tổng		19.456.736.500.000			

Nguồn: LPBank

- Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 26: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2021	Số dư tại 31/12/2022	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 30/06/2023
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	18	18	253	260	11
Thuế TNDN	185	805	495	1.127	173
Thuế khác	28	55	156	192	19



Handwritten signature in blue ink.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	3	3	0
Tổng	231	878	906	1.582	203

Nguồn: BCTC năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán và BCTC Quý II năm 2023 của LPBank

6.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/06/2023
1. Chỉ tiêu về vốn					
Vốn điều lệ	tỷ Đồng	12.036	17.291	43,66	17.291
Vốn tự có	tỷ Đồng	22.157	29.604	33,61	32.412
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	11,26	12,36	9,77	11,16
2. Chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,33	2,97	27,47	3,50
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,37	1,45	5,84	2,23
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	72,68	72,06	-0,86	72,39
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	96,81	97,67	0,89	95,78
3. Khả năng thanh khoản					
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,09	12,72	5,21	13,18
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	29,38	29,83	1,53	33,19

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	% tăng/giảm	30/06/2023
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	79,99	80,88	1,11	81,20
4. Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,45	27,85	18,79	9,87
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,38	1,84	34,75	0,72
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,53	3,98	12,75	3,19
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,09	1,46	35,24	0,58
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,52	22,08	19,23	7,88
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.135	2.671	16,89	1.129
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	8,54	11,73	37,35	7,89
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	23,58	29,21	23,86	19,44

Nguồn: LPBank

Lưu ý: Các chỉ tiêu nêu trên được LPBank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cập nhật Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

- Vốn điều lệ: 17.291.053.690.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28 ngày 11/07/2023).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 11/07/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam Tiến - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong năm 2023:

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

- Ngày 16/05/2023 tại Hà Nội, ControlCase (tổ chức toàn cầu chuyên đánh giá chất lượng bảo mật quốc tế có trụ sở tại Mỹ) đã trao chứng chỉ tiêu chuẩn bảo mật quốc tế PCI-DSS phiên bản 3.2.1 cho hệ thống thanh toán thẻ và tiêu chuẩn bảo mật CSP cho hệ thống SWIFT cho LPBank.
 - Ngày 28/06/2023, LPBank nâng quy mô gói ưu đãi từ 8.000 tỷ VND (ngày 08/06/2023) lên 10.000 tỷ VND cho vay sản xuất kinh doanh ngắn hạn dành cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp với lãi suất chỉ từ 7,5%/năm.
- 3. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng tại Bản Cáo Bạch**

3.1 Cập nhật Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 28: Danh sách Thành viên HĐQT tại ngày 30/06/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Thùy	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
3	Hồ Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên HĐQT
6	Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT
7	Lê Minh Tâm	Thành viên độc lập HĐQT

Nguồn: LPBank

3.2 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT

3.2.1 Ông Nguyễn Văn Thùy - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
23/04/2023 - 06/06/2023	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
07/06/2023 - Nay	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

3.2.2 Ông Hồ Nam Tiến - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Kinh nghiệm công tác:



BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

04/2023 - 20/06/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
21/06/2023 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

3.3 Cập nhật Danh sách Ban TGD và Kế toán trưởng**Bảng 29: Danh sách Ban TGD tại ngày 30/06/2023**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
4	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
8	Lê Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc
9	Vũ Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
10	Nguyễn Quý Chiến	Phó Tổng Giám đốc
11	Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
12	Lê Anh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
13	Đoàn Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
14	Nguyễn Thị Vui	Phó Tổng Giám đốc

3.6 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGD**3.6.1 Ông Hồ Nam Tiến - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem thông tin tại Thành viên HĐQT mục 3.2.2

3.6.2 Ông Vũ Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc thường trực

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2023 - 04/06/2023	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bưu điện	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
05/06/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Thẩm định	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

4. Cập nhật Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 1504/2023/NQ-HĐQT ngày 13/07/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ra công chúng năm 2022 Đợt 3.

5. Sửa đổi nội dung về Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán, Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá và thời gian chào bán dự kiến tại Bản Cáo Bạch

- Số lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 3 bằng tổng của (i) số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết của Đợt 2 và (ii) số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết Đợt 2	Số lượng Trái Phiếu chào bán dự kiến Đợt 3 đã được phê duyệt	Số lượng Trái Phiếu chào bán Đợt 3
1	Trái Phiếu 07 năm	16.254.851	5.000.000	21.254.851
2	Trái Phiếu 10 năm	1.117.280	500.000	1.617.280
Tổng cộng		17.372.131	5.500.000	22.872.131

- Số lượng và Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán Đợt 3 như sau:

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng chào bán (Trái Phiếu)	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá	Thời gian chào bán dự kiến
1	Trái Phiếu LPB7Y202205	21.254.851 (hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm năm mươi một)	2.125.485.100.000 VND (hai nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm nghìn Đồng)	Trong Quý III/2023 - Quý IV/2023
2	Trái Phiếu	1.617.280	161.728.000.000 VND	

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

	LPB10Y202206	(một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, hai trăm tám mươi)	(một trăm sáu mươi một tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu Đồng)
	Tổng cộng	22.872.131 (hai mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm ba mươi một)	2.287.213.100.000 VND (hai nghìn hai trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm mười ba triệu, một trăm nghìn Đồng)

6. Cập nhật Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chứng của Đợt 3 (Quý III/2023 - Quý IV/2023)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 3 do UBCKNN cấp có hiệu lực	T3
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu Đợt 3	T3 đến T3+3
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 3 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu (dự kiến trong vòng 20 ngày)	T3+1 đến T3+21
-	<i>Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến</i>	T3+1
-	<i>Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến (ngày kết thúc đợt chào bán)</i>	T3+21
4	Ngày Phát Hành	T3+21
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 3 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

7. Cập nhật và sửa đổi Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Thực tế sử dụng vốn thu được từ Đợt 1 (157.025.000.000 VND):

Đơn vị: Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý I/2023	Quý II/2023	Tổng
1	Thương mại	2.122.000.000	-	2.122.000.000
2	Xăng dầu	-	-	-

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	-	-	-
4	Cho vay Nông nghiệp Nông thôn và Tiêu dùng	154.326.000.000	-	154.326.000.000
	Tổng giải ngân các Dự án	156.448.000.000	-	156.448.000.000
5	Chi phí phát hành	550.000.000	-	550.000.000
6	Dự kiến phân bổ phần còn lại	-	27.000.000	27.000.000
	Tổng	156.998.000.000	27.000.000	157.025.000.000

Dự kiến Phương án phân bổ sử dụng vốn thu được từ Đợt 2 (1.555.761.900.000 VND):

Đơn vị: Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2023 và Quý IV/2023
1	Thương mại	200.000.000.000
2	Xây dựng	250.000.000.000
3	Công nghiệp, chế biến, chế tạo	50.000.000.000
4	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	30.000.000.000
5	Cho vay Nông nghiệp Nông thôn và Tiêu dùng	1.025.261.900.000
	Tổng giải ngân các Dự án	1.555.261.900.000
6	Chi phí phát hành	500.000.000
	Tổng	1.555.761.900.000

Phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt 3 (2.287.213.100.000 VND):

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt dự kiến sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu Đợt 3 sau khi khấu trừ phí tư vấn, phí đại lý phát hành và các chi phí ước tính phải trả liên quan tới việc chào bán, đăng ký và niêm yết Trái Phiếu sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng đối với các dự án trung dài hạn trong Quý III/2023 đến Quý IV/2023. Phương án dự kiến như sau:

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022

Đơn vị: Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2023 và Quý IV/2023
1	Thương mại	300.000.000.000
2	Xây dựng	420.000.000.000
3	Cho vay Nông nghiệp Nông thôn và Tiêu dùng	1.567.213.100.000
Tổng		2.287.213.100.000

8. Các nội dung khác: giữ nguyên như Bản Cáo Bạch

9. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 11/07/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Nghị quyết số 1504/2023/NQ-HĐQT ngày 13/07/2023 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ra công chứng năm 2022 Đợt 3.
- Báo cáo tài chính Quý II/2023.
- Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chứng mã Trái Phiếu LPB7Y202201 và LPB10Y202202 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

V. CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thụy

Hồ Nam Tiến

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Ánh Vân

Nguyễn Thị Gám

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lưu Thị Thu Thanh